

QUY ĐỊNH

**Về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực Giáo dục –
Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Văn hóa, Thể dục thể thao, Môi trường,
Giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2016/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Văn hóa, Thể dục thể thao, Môi trường, Giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng quy định dưới đây được hiểu là cơ sở thực hiện xã hội hoá

1. Cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa, dự án xã hội hóa phải đáp ứng các điều kiện như sau:

1. Dự án phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013.

2. Dự án phải phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

3. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa phải có cam kết bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Riêng cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giám định tư pháp thì điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương II **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Điều 4. Về đất đai

1. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa đủ điều kiện theo Quy định này được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất trong suốt thời hạn được thuê đất của dự án.

2. Trường hợp dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định.

3. Đối với cơ sở công lập, bán công chuyển sang loại hình cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này thì được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới hình thức cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho thời gian thuê còn lại, tính từ thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa.

4. Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Nhà nước hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa đủ điều kiện theo Quy định này như sau:

- Dự án thực hiện trên địa bàn các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười, thị xã Hồng Ngự: ngân sách Nhà nước 50%, nhà đầu tư đóng góp 50% để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Dự án thực hiện trên địa bàn các huyện Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình: ngân sách Nhà nước 40%, nhà đầu tư đóng góp 60% để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Sa Đéc và thành phố Cao Lãnh: ngân sách Nhà nước 30%, nhà đầu tư đóng góp 70% để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện (thị xã, thành phố) thì mức đóng góp của nhà đầu tư được tính theo diện tích địa bàn của từng huyện (thị xã, thành phố).

c) Kinh phí do nhà đầu tư đóng góp để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được tính vào vốn đầu tư của dự án.

d) Nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được cân đối trong Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm.

đ) Khi được Nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất, cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị miễn, giảm vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng làm tài sản thế chấp để vay vốn.

Điều 5. Về nhà và cơ sở vật chất

Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu thuê cơ sở vật chất do Nhà nước đang quản lý thì giá cho thuê xác định theo phương pháp giá cho thuê tối thiểu.

Điều 6. Ưu đãi tín dụng đầu tư, phí xây dựng hạ tầng

1. Dự án xã hội hóa đủ điều kiện theo Quy định này được Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh ưu tiên cho vay với lãi suất ưu đãi theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hỗ trợ tiền lãi vay từ ngân sách Nhà nước theo mức lãi suất quy định của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh để đầu tư tài sản cố định thực hiện dự án tại các địa bàn như sau:

a) Dự án thực hiện trên địa bàn các huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười, thị xã Hồng Ngự: được hỗ trợ 40% tiền lãi vay trong 05 năm đầu thực hiện dự án.

b) Dự án thực hiện trên địa bàn các huyện Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình: được hỗ trợ 35% tiền lãi vay trong 04 năm đầu thực hiện dự án.

c) Dự án thực hiện trên địa bàn các thành phố Sa Đéc và thành phố Cao Lãnh: được hỗ trợ 30% tiền lãi vay trong 03 năm đầu thực hiện dự án.

d) Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh cho vay vốn trung hạn và dài hạn, mức vốn cho vay tối đa không quá 80% vốn đầu tư dự án (trừ vốn lưu động) và không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện cho vay.

đ) Trường hợp nhà đầu tư vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác thì Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ tiền lãi vay theo lãi suất và mức vốn cho vay theo quy định tại Điều a, b, c, d, Khoản 1, Điều này.

2. Đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà ở, cơ sở vật chất công trình xã hội hóa nằm trong các dự án khu đô thị đã được xây dựng cơ sở hạ tầng, trường hợp phải nộp chi phí xây dựng hạ tầng thì được **giảm 30%** chi phí xây dựng hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa trên tổng số tiền phải nộp.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện ưu đãi

Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định, ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp kinh tế và vốn đầu tư phát triển).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch xã hội hóa cụ thể của từng ngành, lĩnh vực; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

b) Xây dựng danh mục kêu gọi xã hội hóa, mỗi dự án trong danh mục bao gồm các thông tin sau: sự cần thiết kêu gọi xã hội hóa, nhu cầu sử dụng đất, tổng vốn đầu tư, tiến độ đầu tư, dự kiến tiền thuê đất được miễn, dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư vào tháng 10 hàng năm để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án của năm trước đã ban hành để làm cơ sở kêu gọi xã hội hóa cho năm sau.

c) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thực hiện các chính sách xã hội hóa; thực hiện quản lý Nhà nước và phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Định kỳ trước ngày 20/5 và ngày 01/11 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính về tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành, địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh, địa phương liên quan tổ chức thẩm định dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo thẩm quyền; hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan tới việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa theo quy định.

b) Căn cứ danh mục kêu gọi xã hội hóa của các ngành, địa phương đề xuất; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng danh mục kêu gọi xã hội hóa hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn ngân sách địa phương... để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư tạo quỹ đất sạch phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án xã hội hóa.

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cụ thể cho từng dự án thực hiện xã hội hóa.

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định này; định kỳ 6 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện và đề xuất những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cho thuê cụ thể đối với cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý trong khung giá cho thuê theo quy định của Nhà nước.

b) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá về trình tự, thủ tục được hưởng chính sách ưu đãi về nhà, cơ sở vật chất, hỗ trợ tiền lãi vay; lập dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước phù hợp theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm dành cho hoạt động xã hội hóa trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Theo dõi việc thực hiện các chính sách về thuế, phí đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc lập, thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả.

5. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn lập, xét duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết các dự án xã hội hóa theo quy định.

b) Hệ thống hóa các quy định về quy hoạch xây dựng; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong xây dựng quy hoạch, phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu; trong đó có dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Cục Thuế tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi đầu tư đã ban hành theo quy định của pháp luật.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cho các nhà đầu tư thuê đất thực hiện xã hội hóa trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu theo các chính sách tại Quy định này.

b) Phối hợp với Cục thuế tỉnh, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả đối với các dự án xã hội hóa nằm trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu.

8. Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh

Chủ trì, hướng dẫn nhà đầu tư về quy trình, thủ tục triển khai thực hiện theo nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để cho chủ đầu tư thuê đất thực hiện các dự án xã hội hóa; phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa để bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả.

Cân đối vốn để bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư tạo quỹ đất sạch nhằm kêu gọi xã hội hóa đối với các dự án do cấp huyện quản lý.

b) Phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

c) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chỉ đạo việc triển khai, theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, cơ sở thực hiện xã hội hóa còn phải có những trách nhiệm sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa khi lập dự án đầu tư để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa phải cam kết thực hiện đúng tiến độ và các tiêu chuẩn do Chính phủ quy định, làm cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các Sở, ban ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án (bao gồm các mức ưu đãi đầu tư). Trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan.

4. Sau khi hoàn thành dự án, đưa vào hoạt động, nhà đầu tư phải gửi văn bản đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thông báo dự án đã được xây dựng hoàn thành, đồng thời gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án để cơ quan thuế tổ chức kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án xã hội hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) trong năm 2015, nhưng nhà đầu tư chưa được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thì nhà đầu tư được lựa chọn ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Quyết định này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án xã hội hóa không được đề cập trong quy định tại Quyết định này (bao gồm các ưu đãi đầu tư khác) thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Đối với các dự án xã hội hóa không đáp ứng điều kiện tại Điều 3 của quy định này thì được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính; nhưng không được hưởng các ưu đãi về chính sách đất đai theo quy định tại Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương